

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 11 năm 2014

THÔNG BÁO

**V/v kiểm tra đối chiếu danh sách SV được hưởng miễn giảm học phí
học kỳ 1 năm học 2014- 2015
Đối với sinh viên hệ đại học chính quy tập trung dài hạn**

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ ban hành quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010- 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT- BGD & ĐT- BTC- BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 và thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT- BGD & ĐT- BTC- BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và xã hội;

Căn cứ vào thông báo số 81/TB-ĐHKTCN ngày 11/9/2014 về việc nộp hồ sơ để hưởng chế độ miễn giảm học phí học kỳ I năm học 2014- 2015.

Căn cứ danh sách hưởng chế độ miễn giảm học kỳ II năm học 2013- 2014 và kết quả xét duyệt hồ sơ bổ sung; Nhà trường lập danh sách sinh viên đủ điều kiện trong diện được hưởng miễn giảm học phí học kỳ I năm học 2014- 2015 gửi xuống các lớp để SV tự đối chiếu (có danh sách kèm theo).

Đề nghị Ban chủ nhiệm các khoa, Trưởng bộ môn trực thuộc trường, GVCN-CVHT triển khai thông báo này tới từng lớp và hướng dẫn cho sinh viên hệ đào tạo chính quy được biết và thực hiện. Nếu có trường hợp nào cần bổ sung hoặc thay đổi, xin phản hồi ngay về phòng Công tác HSSV (Trung tâm tư vấn SV- Tầng 1 - Nhà A6).

Thời gian phản hồi chậm nhất đến ngày 14/11/2014, nếu quá thời gian quy định nhà trường không chịu trách nhiệm giải quyết. *h2*

Nơi nhận:

- Các Khoa; GV chủ nhiệm các lớp;
- Website trường;
- Lưu: VT; P.CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Xuân Minh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ KỲ I (2014-2015)

(Kèm theo thông báo số: 109/TB-ĐHKTCN ngày 03 tháng 11 năm 2014)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Tên đối tượng
1	DTK1051020624	Phạm Hồng Hà	K46AP.I	Con TB (21%-60%)
2	DTK1051020311	Nguyễn Tiến Thịnh	K46HTĐ.01	Con BB (61%-80%)
3	DTK1051020264	Hoàng Văn Đức	K46HTĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
4	DTK1051020405	Nguyễn Văn Trung	K46HTĐ.02	Con BB (61%-80%)
5	DTK1051020449	Lê Hữu Hoàng	K46HTĐ.02	Con TB (21%-60%)
6	DTK1051020680	Lê Thanh Toàn	K46HTĐ.02	Con TB (61%-80%)
7	DTK1051020029	Đỗ Đăng Hoàng	K46TĐH.01	Con BB (61%-80%)
8	DTK1051020022	Dương Minh Hào	K46TĐH.01	Con TB (21%-60%)
9	DTK1051020110	Trần Quang Hưng	K46TĐH.01	Con TB (21%-60%)
10	DTK1051020140	Lê Trọng Thái	K46TĐH.01	Con TB (21%-60%)
11	DTK1051020126	Lương Văn Ngọc	K46TĐH.01	Hộ cận nghèo dân tộc
12	DTK1051020079	Hà Văn Tuyền	K46TĐH.01	Hộ cận nghèo dân tộc
13	DTK1051020096	Thìn Văn Dũng	K46TĐH.01	Hộ cận nghèo dân tộc
14	DTK1051020609	Trần Công Danh	K46TĐH.02	Con BB (61%-80%)
15	DTK1051020223	Nguyễn Văn Thân	K46TĐH.02	Hộ cận nghèo dân tộc
16	DTK1051020182	Hoàng Thanh Đức	K46TĐH.02	Hộ nghèo dân tộc
17	DTK1051020282	Đỗ Tiến Lộc	K46TĐH.03	Con BB (61%-80%)
18	DTK1051020567	Lê Văn Quyền	K46TĐH.03	Con BB (61%-80%)
19	DTK1051020327	Phạm Văn Vương	K46TĐH.03	Con người nhiễm CĐHH
20	DTK1051020520	Lê Anh Duy	K46TĐH.03	Con TB (21%-60%)
21	DTK1051020581	Hoàng Như Thuyết	K46TĐH.03	Con TB (21%-60%)
22	DTK1051020595	Vũ Thị Vân	K46TĐH.03	Con TB (61%-80%)
23	DTK1051020320	Phạm Thị Thu Trang	K46TĐH.03	Con tai nạn lao động
24	DTK1051020358	Hoàng Thị Hoa	K46TĐH.04	Con BB (41%-60%)
25	DTK1051020500	Trần Duy Tuấn	K46TĐH.04	Con BB (61%-80%)
26	DTK1051020380	Phạm Hữu Quyền	K46TĐH.04	Con người nhiễm CĐHH
27	DTK1051020485	Nguyễn Công Thúc	K46TĐH.04	Con người nhiễm CĐHH
28	DTK1051020407	Lê Đăng Tuyền	K46TĐH.04	Hộ cận nghèo dân tộc
29	DTK1051020362	Hà Văn Khang	K46TĐĐ.01	Con TB (21%-60%)
30	DTK1051020023	Dương Văn Hùng	K46TĐĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
31	DTK1151020208	Tạ Hồng Thái	K47HTĐ.01	Con BB (61%-80%)
32	DTK1051020017	Diệp Anh Đức	K47HTĐ.01	Con người nhiễm CĐHH
33	DTK1051020086	Phạm Xuân ánh	K47HTĐ.01	Con TB (21%-60%)
34	DTK1151020468	Trịnh Quang Việt	K47HTĐ.01	Con TB (21%-60%)
35	DTK1151020177	Nguyễn Trung Đức	K47HTĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
36	DTK1151020031	Triệu Văn Mạc	K47HTĐ.01	Hộ nghèo dân tộc
37	DTK1151020214	Bùi Văn Thực	K47HTĐ.01	Hộ nghèo dân tộc
38	DTK1151020047	Hứa Đức Tùng	K47HTĐ.01	Hộ nghèo dân tộc

39	DTK1051020075	Bùi Văn	Trường	K47HTĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
40	DTK1151020037	Mai Đức	Nhâm	K47TĐH.01	Con BB (41%-60%)
41	DTK1151020050	Nguyễn Chí	Trung	K47TĐH.01	Con BB (61%-80%)
42	DTK1151020129	Hoàng Thị Thu	Hương	K47TĐH.01	Con người nhiễm CDHH
43	DTK1151020494	Nguyễn Văn	Đại	K47TĐH.02	Con TB (21%-60%)
44	DTK1151020500	Kiều Ngọc	Dũng	K47TĐH.02	Con TB (21%-60%)
45	DTK1151020213	Hoàng Văn	Thiệt	K47TĐH.03	Con BB (61%-80%)
46	DTK1151020078	Lê Võ	Hoàn	K47TĐH.03	Con người nhiễm CDHH
47	DTK1151020206	Lương Văn	Tài	K47TĐH.03	Hộ cận nghèo dân tộc
48	DTK1051020095	Hà Anh	Dũng	K47TĐH.03	Hộ nghèo dân tộc
49	DTK1151020089	Lục Thị	Mai	K47TĐH.03	Hộ cận nghèo dân tộc
50	DTK1051020109	Lường Hữu	Hiếu	K47TĐH.03	Hộ nghèo dân tộc
51	DTK1151020290	Bùi Việt	Anh	K47TĐH.04	Mồ côi cả cha, mẹ
52	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huấn	K47TBĐ.01	Con TB (21%-60%)
53	DTK1151020166	Nguyễn Anh	Tuấn	K47TBĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
54	K125520201116	Lăng Ngọc	Thành	K48AP.I	Hộ cận nghèo dân tộc
55	K125520201309	Nguyễn Văn	Thành	K48HTĐ.01	Con BB (61%-80%)
56	K125520201024	Đình Quang	Huy	K48HTĐ.01	Con TB (81% trở lên)
57	K125520201064	Nguyễn Thị	Tuyến	K48HTĐ.01	Hộ nghèo dân tộc
58	K125520201071	Vi Văn	Đạt	K48HTĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
59	K125520201200	Hoàng Văn	Nam	K48HTĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
60	K125520201117	Nguyễn Kim	Thắng	K48KTĐ.01	Con BB (41%-60%)
61	K125520201087	Nguyễn Văn	Hào	K48KTĐ.01	Con TB (21%-60%)
62	K125520201150	Nguyễn Phúc	Thiem	K48KTĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
63	K125520214004	Ma Anh	Quý	K48KTĐ.01	Hộ nghèo dân tộc
64	K125520216036	Lê Trung	Lâm	K48TĐH.01	Con tai nạn lao động
65	K125520216100	Mai Hồng	Phương	K48TĐH.01	Hộ cận nghèo dân tộc
66	K125520216115	Lê Xuân	Bình	K48TĐH.01	Hộ cận nghèo dân tộc
67	K125520216026	Trương Thái	Hoàng	K48TĐH.02	Con có bố, mẹ bệnh NN
68	K125520216212	Hoàng Đăng	Vượng	K48TĐH.02	Con BB (61%-80%)
69	K125520216233	Nguyễn Đức	Hiếu	K48TĐH.02	Con BB (61%-80%)
70	K125520216200	Nguyễn Bá	Thêm	K48TĐH.02	Con TB (21%-60%)
71	K125520216049	Phạm Thành	Nam	K48TĐH.03	Con có bố, mẹ bệnh NN
72	K125520216098	Trịnh Thị Kim	Thúy	K48TĐH.03	Con BB (61%-80%)
73	K125520216024	Nguyễn Hữu	Hưng	K48TĐH.03	Con người nhiễm CDHH
74	K125520216005	Ma Đình	Đưa	K48TĐH.03	Hộ nghèo dân tộc
75	K125520201012	Hoàng Văn	Cạnh	K48TBĐ.01	Hộ cận nghèo dân tộc
76	DTK1151020488	Phạm Quỳnh	Dương	K49ĐĐT.01	Con BB (61%-80%)
77	K125520201027	Nguyễn Trung	Kiên	K49ĐĐT.01	Con người nhiễm CDHH



78	K125520201018	Nguyễn Hữu	Hà	K49ĐĐT.01	Con TB (21%-60%)
79	K125580205061	Hà Thị	Thảo	K49ĐĐT.01	Mồ côi cả cha, mẹ
80	K125520201023	Dương Văn	Hoàng	K49ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
81	K135520201004	Hoàng Văn	Cương	K49ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
82	K135520201058	Lý Mạnh	Tiến	K49ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
83	K135520201060	Hồ Thị	Trang	K49ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
84	K135520201118	Thào A	Tủa	K49ĐĐT.02	Hộ nghèo dân tộc
85	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	K49ĐĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
86	K135520201111	Phùng Đức	Thiện	K49ĐĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
87	K135520201163	Đặng Thanh	Ngọc	K49ĐĐT.03	Con BB (61%-80%)
88	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	K49ĐĐT.03	Hộ cận nghèo dân tộc
89	K135520201173	Chu Văn	Sơn	K49ĐĐT.03	Hộ cận nghèo dân tộc
90	K135520201189	Đào Minh	Tuấn	K49ĐĐT.03	Hộ cận nghèo dân tộc
91	K135520201180	Đỗ Thị	Thanh	K49ĐĐT.03	Hộ nghèo dân tộc
92	K135520201182	Nông Thị	Thoa	K49ĐĐT.03	Hộ nghèo dân tộc
93	K135520201199	Thào A	Cở	K49ĐĐT.04	Hộ nghèo dân tộc
94	K135520201205	Nguyễn Văn	Đoạt	K49ĐĐT.04	Hộ cận nghèo dân tộc
95	K135520201216	Tô Văn	Hùng	K49ĐĐT.04	Hộ nghèo dân tộc
96	K135520201264	Nguyễn Hồng	Dương	K49ĐĐT.05	Con BB (61%-80%)
97	K125520216085	Bùi Văn	Minh	K49ĐKT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
98	K135520216006	Hoàng ánh	Dương	K49ĐKT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
99	K135520216022	Đàm Thành	Hoàng	K49ĐKT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
100	K135520216037	Hoàng Văn	Nhi	K49ĐKT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
101	K135520216025	Nguyễn Việt	Hoàng	K49ĐKT.01	Con có bố, mẹ bệnh NN
102	K135520216077	Ngô Văn	Hiếu	K49ĐKT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
103	K135520216086	Lộc Thị Mỹ	Linh	K49ĐKT.02	Hộ nghèo dân tộc
104	K135520216130	Nguyễn Tùng	Dương	K49ĐKT.03	Con có bố, mẹ bệnh NN
105	K135520216155	Trương Văn	Lập	K49ĐKT.03	Con BB (41%-60%)
106	K135520216141	Dương Thanh	Hải	K49ĐKT.03	Con TB (21%-60%)
107	K135520216122	Đỗ Việt	Anh	K49ĐKT.03	Con tai nạn lao động
108	K135520216127	Phùng Minh	Cường	K49ĐKT.03	Hộ cận nghèo dân tộc
109	K135520216156	Nguyễn Văn	Mạnh	K49ĐKT.03	Hộ cận nghèo dân tộc
110	K135520216165	Diệp Văn	Sinh	K49ĐKT.03	Hộ cận nghèo dân tộc
111	K135520216171	La Thị	Thủy	K49ĐKT.03	Hộ cận nghèo dân tộc
112	K135520216175	Lưu Đình	Tuất	K49ĐKT.03	Hộ cận nghèo dân tộc
113	K135520216262	Trần Công	Thành	K49ĐKT.04	Con BB (61%-80%)
114	K125520216084	Nông Thế	Trung	K49ĐKT.04	Hộ nghèo dân tộc
115	K125520216257	Ma Khánh	Thêm	K49ĐKT.04	Hộ cận nghèo dân tộc
116	K135520216249	Trần Văn	Phi	K49ĐKT.04	Hộ cận nghèo dân tộc

117	K145520201027	Nguyễn Trung	Hiếu	K50ĐĐT.01	Con có bố, mẹ bệnh NN
118	K145520201004	Hoàng Văn	Điệp	K50ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
119	K145520201006	Lý Trung	Đức	K50ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
120	K145520201011	Lý Văn	Cương	K50ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
121	K145520201248	Vũ Mạnh	Hùng	K50ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
122	K145520201115	Phùng Văn	Huỳnh	K50ĐĐT.02	Hộ nghèo dân tộc
123	K145520201132	Nguy Văn	Phương	K50ĐĐT.02	Hộ nghèo dân tộc
124	K145520201243	Vàng A	Vê	K50ĐĐT.03	Hộ nghèo dân tộc
125	K145520320005	Lê Mỹ	Anh	K50AP.I	Con TB (21%-60%)
126	K145520216250	Đặng Văn	Nam	K50TĐH.03	Con BB (61%-80%)
127	K145520216144	Nguyễn Thị	Chinh	K50TĐH.03	Hộ cận nghèo dân tộc
128	CN11511241029	Hoàng Đức	Hoan	LTCN12 TDH	Con BB (41%-60%)
129	CN11511241048	Nguyễn Hoàng	Phương	LTCN12 TDH	Con TB (21%-60%)
130	CN11511241080	Lê Thị	Yến	LTCN12 TDH	Con TB (21%-60%)
131	DTK1051030097	Chu Văn	Hon	K46ĐĐK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
132	DTK1051030135	Lềng Văn	Trong	K46ĐĐK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
133	DTK1051030219	Đinh Văn	Chước	K46ĐĐK.01	Hộ nghèo dân tộc
134	DTK1051030272	Hoàng Khắc	Tiến	K46ĐĐK.02	Hộ cận nghèo dân tộc
135	DTK1051030233	Bùi Văn	Hùng	K46ĐĐK.02	Hộ nghèo dân tộc
136	DTK1051030318	Nguyễn Tùng	Long	K46ĐĐK.02	Hộ nghèo dân tộc
137	DTK1051030291	Nguyễn Văn	Cường	K46ĐVT.01	Con BB (61%-80%)
138	DTK1051030212	Nguyễn Văn	Vũ	K46ĐVT.01	Con TB (21%-60%)
139	DTK1051030364	Nguyễn Thị	An	K46ĐVT.01	Con TB (21%-60%)
140	DTK1051030087	Lê Thị Hương	Giang	K46ĐVT.01	Con tai nạn lao động
141	DTK1051030279	Hoàng Văn	Tuyến	K46ĐVT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
142	DTK1051030171	Vi Văn	Khánh	K46ĐVT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
143	DTK1051030068	Bàn Văn	Vương	K46ĐVT.01	Hộ nghèo dân tộc
144	DTK1051030007	Nguyễn Huy	Chinh	K46KĐT.01	Con BB (61%-80%)
145	DTK1051030036	Nguyễn Thị	Mạn	K46KĐT.01	Con BB (61%-80%)
146	DTK1051030034	Nguyễn Thị	Lưu	K46KĐT.01	Con người nhiễm CDHH
147	DTK1051030150	Lý Văn	Chương	K46KĐT.01	Con người nhiễm CDHH
148	DTK1051030057	Nguyễn Văn	Tiên	K46KĐT.01	Con TB (21%-60%)
149	DTK1051030081	Nguyễn Văn	Dũng	K46KĐT.01	Mô côi cả cha, mẹ
150	DTK1051030157	Nguyễn Văn	Đức	K46KĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
151	DTK1051030005	Trần Hồng	Cương	K46KĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
152	DTK1051030186	Hoàng Thanh	Phong	K46KĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
153	DTK1051030421	Nguyễn Văn	Thân	K46KĐT.02	Con BB (41%-60%)
154	DTK1051030259	Đàm Thị	Quỳnh	K46KĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
155	DTK1051030255	Lâm Thị	Phương	K46KĐT.02	Hộ nghèo dân tộc

156	DTK1151030006	Đỗ Thị	Bến	K47ĐĐK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
157	DTK1151030027	Đàm Văn	Hung	K47ĐĐK.01	Hộ nghèo dân tộc
158	DTK1151030049	Trần Xuân	Thọ	K47ĐĐK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
159	DTK1151030118	Hoàng Thị	Điệp	K47ĐĐK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
160	DTK1051030060	Lưu Văn	Tiến	K47ĐĐK.01	Hộ nghèo dân tộc
161	DTK1151030201	Nguyễn Thiện	Long	K47ĐĐK.02	Mồ côi cả cha, mẹ
162	DTK1151030214	Lý Thị	Thanh	K47ĐĐK.02	Hộ cận nghèo dân tộc
163	DTK1151030142	Trần Văn	Mười	K47ĐĐK.02	Hộ cận nghèo dân tộc
164	DTK1151030210	Nguyễn Văn	Sáng	K47ĐĐK.02	Hộ cận nghèo dân tộc
165	DTK1151030035	Vũ Tiến	Mạnh	K47ĐVT.01	Con tai nạn lao động
166	DTK1151030005	Đặng Văn	Biên	K47KĐT.01	Con TB (21%-60%)
167	DTK1151030052	Dương Thanh	Tùng	K47KĐT.01	Con TB (21%-60%)
168	DTK1151030091	Nguyễn Như	Lai	K47KĐT.01	Con tai nạn lao động
169	DTK1051030205	Chu Văn	Trường	K47KĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
170	DTK1151030025	Lành Văn	Hiếu	K47KĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
171	DTK1151030060	Hứa Tiến	Đạt	K47KĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
172	DTK1151030230	Hoàng Văn	Đức	K47KĐT.02	Con TB (21%-60%)
173	DTK1151030166	Trịnh Thanh	Tuấn	K47KĐT.02	Hộ nghèo dân tộc
174	DTK1151030241	Trần Văn	Hoàn	K47KĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
175	DTK1051030222	Dương Văn	Du	K47KĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
176	DTK1151030315	Ngô Thị	Xuân	K47KĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
177	DTK1151030004	Phương Văn	Anh	K47KMT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
178	DTK1151020441	Dương Đình	Quang	K48ĐĐK.01	Con BB (61%-80%)
179	K125520216141	Hoàng Văn	Mùi	K48ĐĐK.01	Hộ nghèo dân tộc
180	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	K48ĐVT.01	Hộ nghèo dân tộc
181	K125520207048	Dương Văn	Bảo	K48ĐVT.01	Hộ nghèo dân tộc
182	K125520207011	Hoàng Thị	Hậu	K48ĐVT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
183	DTK1151030144	Hoàng Văn	Nam	K48ĐVT.01	Hộ nghèo dân tộc
184	K125520207053	Nguyễn Thị	Cúc	K48KĐT.01	Con BB (61%-80%)
185	DTK1151030042	Hoàng Thị	Quỳnh	K48KĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
186	K125520207001	Lâm Việt	Đại	K48KĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
187	K125520207059	Nguyễn Thị	Hương	K48KMT.01	Con TB (21%-60%)
188	DTK1151030012	Mỗ Văn	Dậu	K48KMT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
189	DTK1151030225	Đặng Minh	Vĩnh	K48KMT.01	Hộ nghèo dân tộc
190	K135520207005	Triệu Ngọc	Dính	K49ĐTT.01	Hộ nghèo dân tộc
191	K135520207019	Vì Thị	Hội	K49ĐTT.01	Hộ nghèo dân tộc
192	K125520207116	Hoàng Thanh	Sơn	K49ĐTT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
193	K135520207007	Nguyễn Đình	Đạm	K49ĐTT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
194	K135520207002	Hoàng Văn	Cường	K49ĐTT.01	Hộ nghèo dân tộc

195	K135520207039	Hoàng Thị	Sao	K49ĐTT.01	Hộ nghèo dân tộc
196	K135520207054	Nông Đức	Cảnh	K49ĐTT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
197	K135520207069	Lục Thị	Hiền	K49ĐTT.02	Hộ nghèo dân tộc
198	K135520207073	Bế Thị	Khuyên	K49ĐTT.02	Hộ nghèo dân tộc
199	K135520207077	Phùng Thị	Miên	K49ĐTT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
200	K135520207084	Lý Văn	Thái	K49ĐTT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
201	K135520207090	Nông Văn	Thọ	K49ĐTT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
202	K135520214013	Nguyễn Anh	Tuấn	K49KMT.01	Con TB (21%-60%)
203	K135520214055	Nguyễn Duy	Thắng	K49KMT.01	Con TB (21%-60%)
204	K135520214005	Nguyễn Văn	Hiếu	K49KMT.01	Hộ nghèo dân tộc
205	K145520207048	Lý Thị	Thùy	K50ĐTT.01	Con TB (21%-60%)
206	K145520207078	Trần Văn	Lý	K50ĐTT.02	Hộ nghèo dân tộc
207	K145520207106	Lường Thị	Yến	K50ĐTT.02	Hộ nghèo dân tộc
208	K145520214016	Đỗ Như	Bính	K50KMT.01	Hộ nghèo dân tộc
209	DTK1051010760	Nguyễn Tùng	Linh	K46AP.M	Con TB (21%-60%)
210	DTK1051010457	Đào Văn	Tài	K46CĐT.01	Con BB (41%-60%)
211	DTK1051010780	Nguyễn Trung	Thành	K46CĐT.01	Con BB (61%-80%)
212	DTK1051010602	Nguyễn Văn	Lĩnh	K46CĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
213	DTK1051010632	Trần Phúc	Trung	K46CĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
214	DTK1051010846	Leo Văn	Phục	K46CĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
215	DTK1051010239	Hoàng Văn	Viên	K46CĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
216	DTK1051010083	Nguyễn Tuấn	Anh	K46CCM.01	Con BB (61%-80%)
217	DTK1051010485	Nguyễn Thế	Bình	K46CCM.01	Con BB (61%-80%)
218	DTK1051010906	Chu Văn	Long	K46CCM.01	Con BB (61%-80%)
219	DTK1051010354	Phạm Tiến	Huân	K46CCM.01	Con người nhiễm CĐHH
220	DTK1051010241	Đinh Duy	Vũ	K46CCM.01	Con TB (21%-60%)
221	DTK1051010100	Nguyễn Văn	Đại	K46CCM.01	Con TB (61%-80%)
222	DTK1051010071	Diệp Văn	Trường	K46CCM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
223	DTK1051010793	Nguyễn Đình	Trung	K46CCM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
224	DTK1051010631	Đàm Xuân	Trường	K46CCM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
225	DTK1051010165	Đinh Công	Bình	K46CCM.02	Hộ cận nghèo dân tộc
226	DTK1051010482	Trần Việt	Anh	K46CCM.02	Hộ cận nghèo dân tộc
227	DTK1051010274	Nguyễn Văn	Hỷ	K46CCM.02	Hộ cận nghèo dân tộc
228	DTK1051010538	Tăng Văn	Thái	K46CCM.02	Hộ cận nghèo dân tộc
229	DTK1051010615	Lê Tiến	Tĩnh	K46CCM.02	Hộ cận nghèo dân tộc
230	DTK1051010173	Hà Kỳ	Chuyên	K46CCM.03	Con BB (61%-80%)
231	DTK1051010690	Nguyễn Ngọc	Quảng	K46CCM.03	Con BB (61%-80%)
232	DTK1051010305	Lục Thanh	Tùng	K46CCM.03	Hộ cận nghèo dân tộc
233	DTK1051010347	Dương Văn	Hậu	K46CCM.03	Hộ nghèo dân tộc

234	DTK1051010719	Nguyễn Văn	Việt	K46CCM.03	Hộ cận nghèo dân tộc
235	DTK1051010236	Lâm Thanh	Tuấn	K46CCM.03	Hộ nghèo dân tộc
236	DTK1051010126	Nguyễn Văn	Ngọc	K46CCM.04	Con người nhiễm CĐHH
237	DTK1051010048	Lương Văn	Phương	K46CCM.04	Hộ nghèo dân tộc
238	DTK1051010600	Hoàng Vũ Mạnh	Linh	K46CCM.04	Hộ nghèo dân tộc
239	DTK1051010639	Ma Văn	Việt	K46CCM.04	Hộ nghèo dân tộc
240	DTK1051010149	Hoàng Ngọc	Tú	K46CCM.04	Hộ cận nghèo dân tộc
241	DTK1051010010	Nguyễn Văn	Cường	K46CCM.04	Hộ nghèo dân tộc
242	DTK1051010253	Nguyễn Đình	Chí	K46CCM.05	Con BB (41%-60%)
243	DTK1051010366	Nguyễn Đức	Ngọc	K46CCM.05	Con BB (61%-80%)
244	DTK1051010643	Nguyễn Đức	Anh	K46CCM.05	Con TB (21%-60%)
245	DTK1051010913	Lê Văn	Nguyên	K46CCM.05	Con TB (61%-80%)
246	DTK1051010085	Nguyễn Văn	Bình	K46CCM.05	Con tai nạn lao động
247	DTK1051010641	Bùi Văn	Vĩnh	K46CCM.05	Hộ cận nghèo dân tộc
248	DTK1051010727	Dương Văn	Cơ	K46CCM.05	Hộ nghèo dân tộc
249	DTK1051010245	Tạ Văn	Bình	K46CCM.05	Hộ cận nghèo dân tộc
250	DTK1051010094	Hoàng Đình	Dương	K46CCM.06	Con người nhiễm CĐHH
251	DTK1051010733	Đoàn Văn	Dương	K46CCM.06	Hộ cận nghèo dân tộc
252	DTK1051010766	Lương Xuân	Nghiêm	K46CCM.06	Hộ cận nghèo dân tộc
253	DTK1051010281	Nguyễn Văn	Linh	K46CCM.07	Con BB (41%-60%)
254	DTK1051010620	Lương Phúc	Thành	K46CCM.07	Con BB (61%-80%)
255	DTK1051010045	Đồng Canh	Ngo	K46CCM.07	Con TB (21%-60%)
256	DTK1051010862	Nguyễn Mạnh	Tùng	K46CCM.07	Con tai nạn lao động
257	DTK1051010046	Đàm Văn	Nghiêm	K46CCM.07	Hộ cận nghèo dân tộc
258	DTK1051010304	Lò Văn	Thu	K46CCM.07	Hộ cận nghèo dân tộc
259	DTK1051010351	Mã Văn	Hiếu	K46CCM.07	Hộ cận nghèo dân tộc
260	DTK1051010464	Ma Văn	Thùy	K46CCM.07	Hộ nghèo dân tộc
261	DTK1051010915	Nguyễn Đình	Nhật	K46KCK.01	Con BB (61%-80%)
262	DTK1051010758	Lương Văn	Kỳ	K46KCK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
263	DTK1051010151	Ma Thịnh	Trình	K46KCK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
264	DTK1051010397	Ma Công	Tuyên	K46KCK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
265	DTK1051010660	Tô Văn	Điều	K46KCK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
266	DTK1051010505	Đinh Văn	Hải	K46KCK.01	Hộ nghèo dân tộc
267	DTK1051010291	Nông Bảo	Quốc	K46KCK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
268	DTK1151010337	Đồng Đức	Dương	K47AP.M	Con có bố, mẹ bệnh NN
269	DTK1151010568	Nguyễn Hoàng	Long	K47AP.M	Con có bố, mẹ bệnh NN
270	DTK1151010279	Dương Văn	Chiến	K47CĐT.01	Con BB (61%-80%)
271	DTK1151010326	Hoàng Trọng	Đan	K47CĐT.01	Con TB (21%-60%)
272	DTK1151010314	Phạm Văn	Thịnh	K47CĐT.01	Con TB (61%-80%)

273	DTK1151010148	Lê Trung	Sơn	K47CĐT.01	Mồ côi cả cha, mẹ
274	DTK1051010427	Tô Văn	Hậu	K47CĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
275	DTK1151010113	Bùi Minh	Đức	K47CCM.01	Con BB (61%-80%)
276	DTK1151010638	Phạm Minh	Thành	K47CCM.01	Con BB (61%-80%)
277	DTK1151010647	Nguyễn Thanh	Tuấn	K47CCM.01	Con TB (21%-60%)
278	DTK1051010796	Lê Văn	Tuấn	K47CCM.01	Con tai nạn lao động
279	DTK1151010322	Đỗ Tiến	Việt	K47CCM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
280	DTK1051010395	Phương Văn	Tuấn	K47CCM.01	Hộ nghèo dân tộc
281	DTK1051010156	Đàm Quốc	Tuấn	K47CCM.02	Con BB (61%-80%)
282	DTK1151010541	Trần Xuân	Vinh	K47CCM.02	Mồ côi cả cha, mẹ
283	DTK1151010142	Trần Văn	Phương	K47CCM.02	Con tai nạn lao động
284	DTK1151010304	Vi Văn	Pháo	K47CCM.02	Hộ cận nghèo dân tộc
285	DTK1151010318	La Văn	Tuyến	K47CCM.02	Hộ cận nghèo dân tộc
286	DTK1051010327	Nguyễn Thành	Công	K47CCM.03	Con người nhiễm CDHH
287	DTK1051010490	Hoàng Sỹ	Cường	K47CCM.03	Con TB (21%-60%)
288	DTK1151010410	Đinh Cao	Nguyên	K47CCM.03	Con TB (21%-60%)
289	DTK1151010527	Ngô Minh	Thuần	K47CCM.03	Con TB (61%-80%)
290	DTK1051010266	Trần Mạnh	Hải	K47CCM.03	Con tai nạn lao động
291	DTK1151010180	Bế Văn	Hợp	K47CCM.03	Hộ cận nghèo dân tộc
292	DTK1151010376	Nguyễn Anh	Tuấn	K47CCM.03	Hộ cận nghèo dân tộc
293	DTK1051010208	Diệp Khին	Nhúc	K47CCM.03	Hộ cận nghèo dân tộc
294	DTK1051010034	Bùi Văn	Huân	K47CCM.03	Hộ nghèo dân tộc
295	DTK1151010149	Nông Trung	Tăng	K47CCM.03	Hộ nghèo dân tộc
296	DTK1151010701	Hoàng Văn	Toản	K47CCM.03	Hộ nghèo dân tộc
297	DTK1051010143	Đinh Văn	Thường	K47CCM.03	Hộ nghèo dân tộc
298	DTK1151010042	Luân Văn	Thảo	K47CCM.03	Hộ cận nghèo dân tộc
299	DTK1151010103	Nguyễn Văn	Trường	K47CCM.04	Con TB (21%-60%)
300	DTK1151010511	Ân Văn	Quân	K47CCM.04	Hộ cận nghèo dân tộc
301	DTK1151010268	Bùi Văn	Vấn	K47CCM.04	Hộ cận nghèo dân tộc
302	DTK1151010417	Đàm Duy	Tĩnh	K47CCM.04	Hộ nghèo dân tộc
303	DTK1151010480	Lâm Văn	Tiến	K47CCM.04	Hộ cận nghèo dân tộc
304	DTK1151010015	Nguyễn Văn	Giang	K47CCM.04	Hộ cận nghèo dân tộc
305	DTK1151010072	Nguyễn Văn	Hải	K47CCM.05	Con người nhiễm CDHH
306	DTK1151010072	Nguyễn Văn	Hải	K47CCM.05	Con người nhiễm CDHH
307	DTK1151010493	Nguyễn Quốc	Công	K47KCK.01	Con TB (21%-60%)
308	DTK1151010528	Đinh Văn	Thuyết	K47KCK.01	Con TB (61%-80%)
309	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Manh	K47KCK.01	Con tai nạn lao động
310	DTK1051010132	Hứa Duy	Quyển	K47KCK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
311	DTK1151010350	Hà Văn	Huân	K47KCK.01	Hộ nghèo dân tộc

312	DTK1151010682	Phạm Văn	Nam	K47KCK.01	Hộ nghèo dân tộc
313	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	K47KCK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
314	K125520114108	Nông Quốc	Vương	K48CĐT.01	Con TB (21%-60%)
315	K125520114016	Phạm Duy	Hùng	K48CĐT.01	Con tai nạn lao động
316	K125520114049	Trình Anh	Tuấn	K48CĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
317	K125520114007	Sầm Văn	Công	K48CĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
318	K125520114033	Lăng Văn	Nuôi	K48CĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
319	K125520114063	Triệu Xuân	Anh	K48CĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
320	K125520103224	Nguyễn Anh	Trường	K48CCM.01	Con TB (81% trở lên)
321	K125520103229	Lưu Văn	Vũ	K48CCM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
322	K125520103236	Lương Văn	Độ	K48CCM.01	Hộ nghèo dân tộc
323	K125520103303	Hoàng Văn	Quyết	K48CCM.01	Hộ nghèo dân tộc
324	K125520103181	Triệu Tiến	Dũng	K48CCM.01	Hộ nghèo dân tộc
325	DTK1151010094	Ma Quốc	Thống	K48CCM.02	Hộ cận nghèo dân tộc
326	K125520103366	Liễu Văn	Lộc	K48CLK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
327	DTK1151010245	Lý Trọng	Nguyên	K48CLK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
328	K125520103121	Nguyễn Văn	Cường	K48CLK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
329	DTK1151010237	Nguyễn Duy	Hung	K48KCK.01	Con có bố, mẹ bệnh NN
330	K125520103018	Nông Văn	Hồi	K48KCK.01	Con BB (61%-80%)
331	K125520103425	Ngô Trung	Đức	K48KCK.01	Con BB (61%-80%)
332	DTK1151010225	Lương Tuấn	Anh	K48KCK.01	Con TB (21%-60%)
333	K125520103172	Hoàng Văn	Vũ	K48KCK.01	Hộ cận nghèo dân tộc
334	K125520103064	Nông Văn	Dinh	K48KCK.01	Hộ nghèo dân tộc
335	K125520103207	Hoàng Văn	Nhớ	K48KCK.01	Hộ nghèo dân tộc
336	K135520114079	Lê Văn	Hiếu	K49CĐT.01	Con TB (61%-80%)
337	K135520114017	Đàm Văn	Hào	K49CĐT.01	Mồ côi cả cha, mẹ
338	K135520114009	Hoàng Văn	Chuyển	K49CĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
339	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	K49CĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
340	K135520103036	Lò Văn	Mai	K49KC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
341	K135520103038	Phó Chí	Minh	K49KC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
342	K135520103040	Hoàng Văn	Nam	K49KC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
343	K135520103046	Hoàng Liên	Son	K49KC.01	Hộ nghèo dân tộc
344	K125520103008	Nguyễn Việt	Dũng	K49KC.02	Con TB (21%-60%)
345	K135520103112	Đỗ Tiến	Mạnh	K49KC.02	Con TB (21%-60%)
346	K135520103120	Nguyễn Ngọc	Son	K49KC.02	Con TB (61%-80%)
347	K135520103082	Lê Văn	Duy	K49KC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
348	K135520103113	Nông Văn	Năng	K49KC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
349	K135520103093	Triệu Văn	Hung	K49KC.02	Hộ nghèo dân tộc
350	K135520103105	La Văn	Khang	K49KC.02	Hộ nghèo dân tộc

351	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	K49KC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
352	K135520103188	Nguyễn Văn	Lực	K49KC.03	Con TB (21%-60%)
353	K135520103187	Lâm Văn	Lực	K49KC.03	Hộ cận nghèo dân tộc
354	K135520103217	Hoàng Anh	Tuấn	K49KC.03	Hộ cận nghèo dân tộc
355	K135520103219	Ma Công	Vương	K49KC.03	Hộ cận nghèo dân tộc
356	K135520103164	Triệu Văn	Dũng	K49KC.03	Hộ nghèo dân tộc
357	K135520103234	Bùi Minh	Đức	K49KC.04	Con có bố, mẹ bệnh NN
358	K135520103268	Phan Văn	Tạ	K49KC.04	Hộ nghèo dân tộc
359	K135520103229	Nguyễn Thanh	Duy	K49KC.04	Hộ cận nghèo dân tộc
360	K135520103251	Hoàng Bảo	Khanh	K49KC.04	Hộ cận nghèo dân tộc
361	K135520103254	Ma Tiến	Linh	K49KC.04	Hộ cận nghèo dân tộc
362	K135520103264	Nông Văn	Phương	K49KC.04	Hộ cận nghèo dân tộc
363	K135520103267	Hoàng Ngọc	Sơn	K49KC.04	Hộ nghèo dân tộc
364	K135520103287	Trương Anh	Tuấn	K49KC.04	Con BB (41%-60%)
365	K135520103362	Triệu Văn	Việt	K49KC.05	Hộ cận nghèo dân tộc
366	K135520103321	Ma Công	Khôi	K49KC.05	Hộ cận nghèo dân tộc
367	K135520103480	Nguyễn	Khánh	K49KC.06	Con có bố, mẹ bệnh NN
368	K135520103436	Hoàng Ngọc	Tiến	K49KC.06	Con BB (41%-60%)
369	K135520103510	Bùi Văn	Thanh	K49KC.06	Con BB (61%-80%)
370	K135520103399	Nguyễn Mạnh	Huy	K49KC.06	Con TB (21%-60%)
371	K135520103420	Hoàng Thái	Sơn	K49KC.06	Con TB (61%-80%)
372	K135520103368	Đinh Văn	Đạt	K49KC.06	Hộ cận nghèo dân tộc
373	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	K49KC.06	Hộ cận nghèo dân tộc
374	K135520103471	Đinh Tiến	Hùng	K49KC.06	Hộ cận nghèo dân tộc
375	K145520103006	Lục Sỹ	Bảo	K50KC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
376	K145520103151	Vũ Đình	Việt	K50KC.02	Con TB (21%-60%)
377	K145520103157	Ngô Việt	Anh	K50KC.03	Con tai nạn lao động
378	K145520103240	Hoàng Văn	Dương	K50KC.04	Hộ cận nghèo dân tộc
379	K145520103303	Đinh Quốc	Việt	K50KC.04	Hộ cận nghèo dân tộc
380	11511111076	Lê Ngọc	Quân	LT12 CTM.01	Con người nhiễm CDHH
381	11511211030	Lưu Xuân	Nguyên	LT12 CTM.01	Con TB (81% trở lên)
382	11511211018	Dương Văn	Hùng	LT12 CTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
383	11511211016	Mông Văn	Hoan	LT12 CTM.01	Hộ nghèo dân tộc
384	11511311002	Đặng Xuân	Lượng	LT13 CTM.01	Con TB (21%-60%)
385	11511311005	Dương Tuấn	Trường	LT13 CTM.01	Con TB (81% trở lên)
386	CN11511211035	Trần Mạnh	Hưng	LTCN12 CTM	Con BB (61%-80%)
387	CN11511211064	Nguyễn Xuân	Quyến	LTCN12 CTM	Con BB (61%-80%)
388	CN11511211070	Nguyễn Hồng	Sơn	LTCN12 CTM	Con BB (61%-80%)
389	CN11511211112	Hoàng Kim	Tuyến	LTCN12 CTM	Con BB (61%-80%)

390	CN11511211015	Nguyễn Văn	Độ	LTCN12 CTM	Con TB (21%-60%)
391	CN11511211095	Phạm Tuấn	Tú	LTCN12 CTM	Con TB (21%-60%)
392	CN11511211064	Nguyễn Xuân	Quyển	LTCN12 CTM	Con TB (61%-80%)
393	CN11511211021	Nông Văn	Dưỡng	LTCN12 CTM	Hộ cận nghèo dân tộc
394	CN11511211080	Trần Anh	Thọ	LTCN12 CTM	Hộ cận nghèo dân tộc
395	CN11511211081	Trần Văn	Thương	LTCN12 CTM	Hộ cận nghèo dân tộc
396	CN11511211078	Trịnh Văn	Thắng	LTCN12 CTM	Hộ nghèo dân tộc
397	LK11511211029	Bùi Văn	Hưng	LTLK12 CTM	Con TB (21%-60%)
398	LK11511211058	Lê Văn	Thắng	LTLK12 CTM	Con TB (21%-60%)
399	LK11511211062	Trương Văn	Thành	LTLK12 CTM	Con TB (21%-60%)
400	DTK1151070096	Vũ Thị	Thanh	K47KTN.01	Con TB (21%-60%)
401	DTK1151070080	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K47KTN.01	Con tai nạn lao động
402	DTK1151070044	Vũ Thị	Lượng	K47KTN.01	Hộ cận nghèo dân tộc
403	DTK1151070135	Hoàng Thị Hải	Yến	K47KTN.01	Hộ cận nghèo dân tộc
404	DTK1151070125	Phạm Thị	Hồng	K47QLC.01	Con LS đang hưởng tuất
405	DTK1151070010	Lê Thị	Duyên	K47QLC.01	Con TB (21%-60%)
406	DTK1151070005	Liễu Văn	Bảo	K47QLC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
407	DTK1151070030	Triệu Thị	Nguyên	K47QLC.01	Hộ nghèo dân tộc
408	DTK1151070028	Đàm Thị Thu	Ngân	K47QLC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
409	DTK1151070041	Triệu Thu	Thủy	K47QLC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
410	DTK1051070141	Lương Quang	Tú	K47QLC.01	Hộ nghèo dân tộc
411	K125510604057	Chu Thị	Hòa	K48KTN.01	Con TB (21%-60%)
412	K125510604050	La Kim	Oanh	K48KTN.01	Hộ cận nghèo dân tộc
413	K125510604026	Nguyễn Thị Nhã	Phương	K48KTN.01	Hộ nghèo dân tộc
414	K125510604027	Phạm Thị	Quyên	K48KTN.01	Hộ nghèo dân tộc
415	K125510601049	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	K48QLC.01	Con tai nạn lao động
416	K125510601012	Đàm Thị	Huế	K48QLC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
417	K135510604008	Phạm Thị	Hằng	K49KTN.01	Hộ nghèo dân tộc
418	K135510604022	Lý Thu	Huyền	K49KTN.01	Hộ cận nghèo dân tộc
419	K135510604045	Nguyễn Thị Tố	Uyên	K49KTN.01	Hộ cận nghèo dân tộc
420	K135510604015	Hoàng Thị	Hiên	K49KTN.01	Hộ nghèo dân tộc
421	K135510604091	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K49KTN.02	Con tai nạn lao động
422	K135510604075	Vi Thị	Linh	K49KTN.02	Hộ cận nghèo dân tộc
423	K135510604089	Lăng Thu	Thảo	K49KTN.02	Hộ nghèo dân tộc
424	DTK1051010355	Đinh Văn	Huấn	K1 CN-KTO.01	Con người nhiễm CĐHH
425	DTK1051010210	Nguyễn Văn	Phong	K1 CN-KTO.01	Con TB (21%-60%)
426	DTK1051010265	Trần Thanh	Hải	K1 CN-KTO.01	Con tai nạn lao động
427	DTK1151010145	Triệu Phúc	Quang	K1 CN-KTO.01	Hộ nghèo dân tộc
428	DTK1151010098	Hồ Văn	Tùng	K1 CN-KTO.01	Hộ cận nghèo dân tộc

429	K125520103094	Đặng Anh	Quân	K1 CN-KTO.01	Hộ cận nghèo dân tộc
430	DTK1051010652	Triệu Văn	Chung	K1 CN-KTO.01	Hộ nghèo dân tộc
431	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	K2 CN-ĐĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
432	K145510205003	Lê Khắc	Đại	K2 CN-KTO.01	Con TB (21%-60%)
433	K145510205017	Toàn Việt	Chung	K2 CN-KTO.01	Hộ cận nghèo dân tộc
434	K145510205018	Nguyễn Thành	Chung	K2 CN-KTO.01	Hộ cận nghèo dân tộc
435	K145510205026	Sùng A	Hử	K2 CN-KTO.01	Hộ cận nghèo dân tộc
436	K145510205040	Liều Văn	Nguyên	K2 CN-KTO.01	Hộ nghèo dân tộc
437	K145510205031	Sầm Văn	Lương	K2 CN-KTO.01	Hộ nghèo dân tộc
438	DTK1051010207	Hoàng Văn	Nghĩa	K46CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
439	DTK1051010536	Nguyễn Văn	Tân	K46CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
440	DTK1051010674	Hoàng Văn	Huân	K46CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
441	DTK1151010010	Phan Tuấn	Cường	K47CĐL.01	Con người nhiễm CĐHH
442	DTK1151010021	Bùi Văn	Hùng	K47CĐL.01	Con TB (61%-80%)
443	DTK1051010315	Ma Văn	Tuấn	K47CĐL.01	Chất độc màu da cam
444	DTK1051010294	Trương Văn	Sơn	K47CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
445	DTK1051010528	Ma Văn	út	K47CĐL.01	Hộ nghèo dân tộc
446	DTK1051010360	Lưu Văn	Lợi	K47CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
447	DTK1151010421	Nông Đức	Thiện	K47CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
448	K125520103013	Bàng Trung	Đức	K48CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
449	K125520103203	Lương Văn	Mai	K48CĐL.01	Hộ nghèo dân tộc
450	DTK1151010600	Bùi Văn	An	K48CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
451	K125520103162	Vì Văn	Thịnh	K48CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
452	K125520103211	Hà Minh	Sơn	K48CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
453	DTK1151010258	Hoàng Văn	Thuận	K48CĐL.01	Hộ nghèo dân tộc
454	K125520103198	Phạm Quang	Huy	K48CĐL.01	Hộ cận nghèo dân tộc
455	K145520103307	Đỗ Xuân	Trưởng	K50CĐL.01	Con TB (21%-60%)
456	DTK1051020432	Nông Trung	Đức	K1 CN-ĐĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
457	DTK1051020199	Lương Trung	Kiên	K1 CN-ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
458	DTK1051030070	Ma Văn	Xiêm	K1 CN-ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
459	DTK1051030156	Nông Đình	Diệp	K1 CN-ĐĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
460	DTK1051060022	Trần Bá	Minh	K1 CN-ĐĐT.01	Con tai nạn lao động
461	DTK1051030166	Đinh Văn	Hung	K1 CN-ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
462	DTK1051030283	Đặng Trường	Giang	K1 CN-ĐĐT.02	Con BB (61%-80%)
463	DTK1051020288	Nguyễn Văn	Năng	K1 CN-ĐĐT.02	Con TB (21%-60%)
464	DTK1051020221	Lý Văn	Tấn	K1 CN-ĐĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
465	DTK1051050052	Lâm Nông	Đông	K1 CN-ĐĐT.02	Hộ cận nghèo dân tộc
466	DTK1051020143	Hà Trung	Thành	K1 CN-ĐĐT.02	Hộ nghèo dân tộc
467	DTK1051020494	Châu Văn	Toản	K1 CN-ĐĐT.03	Hộ cận nghèo dân tộc

468	DTK1051010330	Nguyễn Trọng	Cường	K1 CN-CTM.01	Con TB (21%-60%)
469	DTK1051010134	Nguyễn Đức	Sơn	K1 CN-CTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
470	DTK1051010587	Đàm Văn	Hùng	K1 CN-CTM.01	Hộ nghèo dân tộc
471	K145510301014	Lương Văn	Quân	K2 CN-ĐĐT.01	Hộ cận nghèo dân tộc
472	K145510301017	Lương Văn	Tuấn	K2 CN-ĐĐT.01	Hộ nghèo dân tộc
473	DTK1051040160	Hoàng Văn	Giang	K45KXC.01	Con TB (61%-80%)
474	DTK1051050001	Hạng Duy	Bình	K46KTM.01	Con có bố,mẹ bệnh NN
475	DTK1051050022	Hoàng Thị	Phượng	K46KTM.01	Con BB (61%-80%)
476	DTK1051050041	Ma Ngọc	Nam	K46KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
477	DTK1051050004	Hà Văn	Điệp	K46KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
478	DTK1051050002	Bùi Thị	Bình	K46KTM.01	Hộ nghèo dân tộc
479	DTK1051040130	Nguyễn Hải	Sơn	K46KXC.01	Con TB (61%-80%)
480	DTK1051040059	Ma Công	Thư	K46KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
481	DTK1051040123	Bùi Thị Quỳnh	Ngọc	K46KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
482	DTK1051040120	Lô Văn	Long	K46KXC.01	Hộ nghèo dân tộc
483	DTK1051040032	Dương Văn	Hoàng	K46KXC.02	Con BB (61%-80%)
484	DTK1051040011	Tông Văn	Chính	K46KXC.02	Hộ nghèo dân tộc
485	DTK1051040152	Nguyễn Văn	Ba	K47KXC.01	Con BB (61%-80%)
486	DTK1151040050	Nguyễn Thị	Thảo	K47KXC.01	Con BB (61%-80%)
487	DTK1051040109	Nguyễn Huy	Hoàng	K47KXC.01	Con TB (21%-60%)
488	DTK1051040124	Vương Đức	Nghĩa	K47KXC.01	Con TB (21%-60%)
489	DTK1051040166	Nguyễn Gia	Huấn	K47KXC.01	Con TB (21%-60%)
490	DTK1151040170	Dương Bảo	Tú	K47KXC.01	Con tai nạn lao động
491	DTK1051040061	Nghiều Văn	Thái	K47KXC.01	Hộ nghèo dân tộc
492	DTK1051040028	Trần Đình	Hiển	K47KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
493	DTK1051040041	Hoàng Văn	Lợi	K47KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
494	DTK1151040001	Lê Ngọc	ánh	K47KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
495	DTK1151040006	Lê Chí	Cương	K47KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
496	DTK1151040012	Phan Văn	Dũng	K47KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
497	DTK1151040036	Nông Trung	Minh	K47KXC.01	Hộ nghèo dân tộc
498	11411110401	Nguyễn Văn	Soái	K47KXC.01	Hộ nghèo dân tộc
499	DTK1151040105	Nguyễn Tuấn	Sơn	K47KXC.02	Con BB (61%-80%)
500	DTK1151040094	Trần Xuân	Lộc	K47KXC.02	Con TB (21%-60%)
501	DTK1151040117	Lương Thanh	Tiến	K47KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
502	DTK1151040114	Bùi Văn	Tiêu	K47KXC.02	Hộ nghèo dân tộc
503	DTK1151040089	Hoàng Văn	Hiếu	K47KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
504	DTK1151040098	Quân Thanh	Minh	K47KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
505	DTK1151040133	Dương Thế	Duy	K47KXC.02	Hộ nghèo dân tộc
506	DTK1151040148	Phùng Ngọc	Luân	K47KXC.02	Hộ nghèo dân tộc

507	K125520320063	Lê Thị	Yến	K48KTM.01	Con BB (61%-80%)
508	K125520320048	Phạm Thị	Thương	K48KTM.01	Con người nhiễm CDHH
509	K125520320042	Trương Văn	Quản	K48KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
510	K125520320070	Hoàng Minh	Chiến	K48KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
511	K125520320041	Ma Thị	Như	K48KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
512	K125520320064	Đinh Thị	Yến	K48KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
513	K125520320055	Nguyễn Thiên	Thu	K48KTM.01	Hộ nghèo dân tộc
514	K125520320060	Lương Minh	Trang	K48KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
515	K125580201033	Đoàn Ngọc	Long	K48KXC.01	Con có bố, mẹ bệnh NN
516	K125580201077	Phạm Anh	Vũ	K48KXC.01	Con BB (61%-80%)
517	K125580201032	Quách Hoàng	Long	K48KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
518	K125580201040	Nông Khánh	Phát	K48KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
519	K125580201056	Dương Văn	Thiện	K48KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
520	K125580201067	Từ Xuân	Trường	K48KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
521	K125580201106	Ma Quốc	Hung	K48KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
522	K125580201008	Triệu Xuân	Dũng	K48KXC.01	Hộ nghèo dân tộc
523	K125580201081	Nguyễn Văn	Dũng	K48KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
524	K125580201148	Lê Thanh	Tùng	K48KXC.02	Con BB (61%-80%)
525	DTK1151040065	Nguyễn Mạnh	Công	K48KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
526	DTK1151040072	Tân Văn	Dũng	K48KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
527	DTK1151040129	Nguyễn Mạnh	Cường	K48KXC.02	Hộ nghèo dân tộc
528	K125580201144	Hoàng Đế	Thiên	K48KXC.02	Hộ nghèo dân tộc
529	K125580205010	Phạm Văn	Lân	K48KXG.01	Con BB (61%-80%)
530	K125580205019	Lê Tuấn	Anh	K48KXG.01	Con TB (81% trở lên)
531	K125580205012	Bàn Hữu	Quốc	K48KXG.01	Hộ nghèo dân tộc
532	K125580205033	Hứa Quang	Thảo	K48KXG.01	Hộ cận nghèo dân tộc
533	K135520320016	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	K49KTM.01	Con có bố, mẹ bệnh NN
534	K135520320014	Nguyễn Thị	Giang	K49KTM.01	Con BB (61%-80%)
535	K135520320035	Nguyễn Thị	Huyền	K49KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
536	K135520320056	Trần Ngọc	Son	K49KTM.01	Hộ cận nghèo dân tộc
537	K135520320024	Ma Văn	Hội	K49KTM.01	Hộ nghèo dân tộc
538	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	K49KTM.01	Hộ nghèo dân tộc
539	K135520320076	Phi Thị	Tuân	K49KTM.01	Hộ nghèo dân tộc
540	K135580201023	Nguyễn Văn	Huy	K49KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
541	K135580201037	Lô Văn	Tâm	K49KXC.01	Hộ cận nghèo dân tộc
542	K135580201043	Sinh A	Trống	K49KXC.01	Hộ nghèo dân tộc
543	K135580201078	Nguyễn Văn	Khánh	K49KXC.02	Con TB (21%-60%)
544	K135580201161	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	K49KXC.02	Con TB (21%-60%)
545	K135580201058	Lương Văn	Cương	K49KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc

546	K135580201063	Hoàng Thanh	Duy	K49KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
547	K135580201065	Triệu Đình	Đề	K49KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
548	K135580201098	Ma Văn	Tuân	K49KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
549	K135580201160	Đào Thị	Thư	K49KXC.02	Hộ cận nghèo dân tộc
550	K135580201053	Ma Đức	Anh	K49KXC.02	Hộ nghèo dân tộc
551	K135580201074	Bàn Văn	Hiển	K49KXC.02	Hộ nghèo dân tộc
552	K145520320004	Hoàng Cao	An	K50KTM.01	Con TB (21%-60%)
553	K145520320024	Hà Thị Thu	Hường	K50KTM.01	Con tai nạn lao động
554	K145520320006	Lường Thị	Anh	K50KTM.01	Hộ nghèo dân tộc
555	K145580201018	Lê Duy	Hoài	K50KXC.01	Con TB (21%-60%)
556	K145905218001	Ma Công	An	K50KXC.01	Hộ nghèo dân tộc
557	11511220005	Nông Văn	Huấn	LT12 KXC.01	Con TB (21%-60%)

Ấn định 557 sinh viên.